

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 36/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển
ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) giai đoạn 2021 - 2025
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (điều chỉnh lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 33 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (điều chỉnh lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (điều chỉnh lần 2), cụ thể như sau:

Điều chỉnh tăng, giảm vốn trên địa bàn huyện Châu Thành đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với số tiền là 5.800 triệu đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh:

Giảm vốn Dự án “Nhà văn hóa xã Phú Tân”: 5.800 triệu đồng.

- Bổ sung:

Dự án “Nâng cấp, mở rộng Đường cây me”: 5.800 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 33 (chuyên đề) thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Cẩm Đào

Phụ lục
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH (VỐN ĐỐI ỨNG) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỪ NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã									225.355	5.800	5.800	225.355	
I	Huyện Cù Lao Dung									15.600	-	-	15.600	
1	Hạ tầng kỹ thuật công viên huyện Cù Lao Dung (giai đoạn 3)	Thị trấn Cù Lao Dung	Diện tích san lấp 5.426 m ² ; trồng cây xanh; hệ thống tưới nước tự động; ...	2025	23/QĐ-UBND ngày 13/01/2025	2.200	1.000			1.000			1.000	
2	Đường GT ra khu bố trí ổn định dân cư phòng chống thiên tai	Xã An Thạnh Đông	Dài 657,27 m, rộng 3 m	2024-2025	369/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.275	1.101			1.101			1.101	
3	Lộ tè bến đò Vòm Tắc (giai đoạn 1)	Xã An Thạnh Đông	Dài 554 m, rộng 3 m	2024-2025	368/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	2.374	2.040			2.040			2.040	
4	Nâng cấp, mở rộng nhà Văn hóa xã	Xã An Thạnh Đông	Làm mới cột, tường; thay trần; thay mới hệ thống điện;...	2025	1488/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	560	482			482			482	
5	Đường Giao thông lộ tè khém Ông Bộ	Xã An Thạnh Đông	Dài 742,36 m, rộng 3 m và 01 cống ngang đường	2025	1430/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	2.575	2.177			2.177			2.177	
6	Đường nội đồng Rạch Đùi - Mù U (giai đoạn 2)	Xã An Thạnh 2	Dài 1.149 m, rộng 3 m	2024-2025	192/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	3.001	2.400			2.400			2.400	
7	Đường GTNT Xóm 2	Xã An Thạnh 2	Dài 1.266 m, rộng 3 m và 01 cống cấp thoát nước	2024-2025	193/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	4.032	3.358			3.358			3.358	
8	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã An Thạnh Nam	Xã An Thạnh Nam	Lát gạch, dầm, tường, sê nô, trần thạch cao, hệ thống điện,...	2025	103/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	448	42			42			42	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
9	Đường Rạch Ông Cột - Bình Linh (giai đoạn 2)	Xã An Thanh Tây	Dài 885,43 m, rộng 3 m và 01 cống ngang đường	2025	1523/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	3.577	3.000			3.000			3.000	
II	Huyện Trần Đề									32.800	-	-	32.800	
1	Sửa chữa đường từ ngã tư Chùa phật đến giáp ranh thị trấn Lịch Hội Thượng	Xã Lịch Hội Thượng	Dài 2.085 m, rộng 3,5 m và rãnh thoát nước dài 1.485 m, rộng 0,7 m	2024-2025	1273/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	10.050	8.500			8.500			8.500	
2	Cầu bê tông qua sông Gòi (đoạn trước nhà ông Trương Văn Chót)	Xã Lịch Hội Thượng	Dài 30 m, rộng 3,9 m	2024-2025	1274/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.836	1.500			1.500			1.500	
3	Đường bê tông cấp kênh Tổng Cánh - xóm Sài Gòn (giai đoạn 1)	Xã Viên Bình	Dài 1.430,3 m, rộng 3 m và 01 cây cầu	2025	1272/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	3.734	3.000			3.000			3.000	
4	Nhà đa năng Trường tiểu học Trung Bình A	Xã Trung Bình	Khối nhà đa năng diện tích 899 m ² ; hệ thống báo cháy; san lấp mặt bằng 2.477,43 m ² ; sân đường, thoát nước;...	2024-2025	5352/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	10.800	5.800			5.800			5.800	
5	Đường bê tông tuyến 1 ấp Pręc Đôn	Xã Tài Văn	Đoạn 1 dài 593,95 m, rộng 3 m; đoạn 2 dài 119,85 m, rộng 3 m và cầu 10 m x 3,4 m	2024-2025	1266/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.869	1.580			1.580			1.580	
6	Đường bê tông tuyến 2 ấp Pręc Đôn	Xã Tài Văn	Dài 1.651,93 m, rộng 3 m và 02 cây cầu	2024-2025	1267/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	4.888	4.300			4.300			4.300	
7	Đường bê tông tuyến 3 ấp Pręc Đôn	Xã Tài Văn	Dài 1.205,1 m, rộng 3 m	2024-2025	1268/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.352	1.120			1.120			1.120	
8	Đường bê tông ấp Hưng Thới	Xã Thạnh Thới An	Dài 1.784,31 m, rộng 3,5 m; cầu 12 m x 4 m	2024-2025	1269/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	3.850	3.350			3.350			3.350	
9	Nâng cấp đường bê tông ấp Tiên cường 1 - Tiên cường 2 (giai đoạn 1)	Xã Thạnh Thới An	Dài 3.204,6 m, rộng 3 m	2024-2025	1270/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	4.175	3.650			3.650			3.650	
III	Huyện Châu Thành									24.600	5.800	5.800	24.600	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
1	Xử lý bãi rác Thuận Hòa	Xã Thuận Hòa	Chôn lấp rác; sửa chữa đường vận chuyển rác; trồng cây xanh; đào ao sinh học;...	2024	403a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	3.152	3.000			3.000			3.000	
2	Đường số 04	Thị trấn Châu Thành	Dài 4.130,72 m, rộng 3,5 m	2024	404a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	7.603	7.000			7.000			7.000	
3	Đường Mường Khai A	Xã Thiện Mỹ	Dài 2.992 m, rộng 3,5 m	2024	401a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	6.091	4.500			4.500			4.500	
4	Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa xã Thiện Mỹ	Xã Thiện Mỹ	Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa diện tích xây dựng 282,03 m ²	2024	402a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	1.365	1.300			1.300			1.300	
5	Nhà văn hóa xã Phú Tân	Xã Phú Tân	Xây mới nhà văn hóa xã diện tích 710 m ² ; hệ thống thoát nước; phòng cháy, chữa cháy;...	2025	405a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	10.458	5.800			5.800	5.800		-	
6	Nâng cấp, mở rộng Đường cây me	Xã Phú Tân	Dài 2.800 m, rộng 3,5 m và 03 cầu trên tuyến	2025	518/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	10.302	5.800					5.800	5.800	
7	Đường Kênh ranh 3 xã	Xã An Hiệp	Dài 905 m, rộng 3,5 m	2025	406a/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	3.434	3.000			3.000			3.000	
IV	Huyện Kế Sách									27.955	-	-	27.955	
1	Trường Tiểu học Ba Trinh 2	Xã Ba Trinh	San lấp mặt bằng 1.249,4 m ² ; nhà đa năng 810 m ² ; cổng, hàng rào; nhà vệ sinh;...	2024-2025	08/QĐ-UB(XDCB).24 ngày 31/01/2024	12.850	11.000			11.000			11.000	
2	Đầu tư điểm tập kết rác của xã Ba Trinh	Xã Ba Trinh	San lấp mặt bằng 575,1 m ² ; cải tạo cổng, hàng rào; sân đường, thoát nước;...	2024-2025	09/QĐ-UB(XDCB).24 ngày 31/01/2024	1.105	955			955			955	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
3	Trường Trung học cơ sở An Lạc Tây	Xã An Lạc Tây	Khối phòng học bộ môn 407 m ² ; sân đường, thoát nước;...	2024-2025	10/QĐ-UB(XDCB).24 ngày 31/01/2024	3.580	3.100			3.100			3.100	
4	Trường Tiểu học An Lạc Tây	Xã An Lạc Tây	Khối nhà đa năng 812,5 m ² ; khối 06 phòng học + chức năng 667,6 m ² ; nhà xe học sinh; sân nội bộ, thoát nước; phòng cháy, chữa cháy;...	2024-2025	11/QĐ-UB(XDCB).24 ngày 31/01/2024	14.500	12.900			12.900			12.900	
V	Huyện Mỹ Tú									12.800	-	-	12.800	
1	Trường Mầm non Long Hưng	Xã Long Hưng	Cải tạo các Khối phòng và các hạng mục phụ trợ	2024-2025	468/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	6.593	5.800			5.800			5.800	
2	Đường Phước Trường - Xóm Tiệm	Xã Mỹ Phước	Dài 3.567,4 m, rộng 3,5 m	2024-2025	422/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	7.991	7.000			7.000			7.000	
VI	Thị xã Ngã Năm									5.800	-	-	5.800	
1	Xây dựng lộ Vĩnh Thanh - Vĩnh Phong, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm	Xã Vĩnh Quới	Dài 4.034,77 m, rộng 3 m	2024-2025	207/QĐ-UBND ngày 06/02/2024	6.110	5.800			5.800			5.800	
VII	Thị xã Vĩnh Châu									14.600	-	-	14.600	
1	Đường Lầm Thiết đến sông Trà Niên (cầu Ngọn Giồng)	Xã Hòa Đông	Dài 1.674 m, rộng 3 m	2024	110/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	3.520	2.000			2.000			2.000	
2	Đường No Tom - Thạch Sao (từ đê Quốc phòng đến kênh Phên)	Xã Hòa Đông	Dài 1.172 m, rộng 3 m và 01 cây cầu	2024	111/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	4.587	2.400			2.400			2.400	
3	Đường Xóm ông Chời	Xã Hòa Đông	Dài 843 m, rộng 3 m	2024	118/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	1.980	1.400			1.400			1.400	
4	Đường trước chùa Tham Chu - Xẻo Uí	Xã Vĩnh Tân	Dài 3.783,71 m, rộng 3 m	2025	1820/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	5.788	5.037			5.037			5.037	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
5	Đường kênh Tân Quy	Xã Vĩnh Tân	Dài 729,46 m, rộng 3 m	2025	1821/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	1.470	1.106			1.106			1.106	
6	Đường cấp kênh cũ Tân Thành A (cầu cấp kênh)	Xã Vĩnh Hiệp	Dài 518 m, rộng 3,5 m	2025	1584/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.611	1.277			1.277			1.277	
7	Đường cấp kênh Trà Nho	Xã Vĩnh Hiệp	Dài 949,28 m, rộng 3,5 m	2025	1585/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	2.489	1.380			1.380			1.380	
VIII	Huyện Mỹ Xuyên					30.056	24.000			24.000	-	-	24.000	
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Đại Tâm	Xã Đại Tâm	Khối nhà chính, nhà vệ sinh, hàng rào - sân đường	2024-2025	279/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.021	900			900			900	
2	Đường cấp bờ kênh nhà Ông Thanh Phương đến nhà bà Hồng (ấp Rạch Sên)	Xã Thạnh Phú	Dài 2.091,43 m, rộng 3 m và 01 cây cầu	2024-2025	280/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	5.415	4.500			4.500			4.500	
3	Đường Hòa Khanh - Thạnh An	Xã Thạnh Quới	Dài 1.674 m, rộng 3 m và 01 cây cầu	2024-2025	281/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	3.838	3.100			3.100			3.100	
4	Nâng cấp tuyến đường đôn Hòa Trung 4	Xã Hòa Tú 1	Dài 571,27 m, rộng 3 m	2024-2025	282/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.252	1.000			1.000			1.000	
5	Tuyến đường từ đường Huyện 15 đến bến phà Hòa Nhạn	Xã Hòa Tú 1	Dài 5.007 m, rộng 3 m	2024-2025	283/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	13.715	11.500			11.500			11.500	
6	Đường giao thông nông thôn liên ấp Trà Bết - Sông Cái 2	Xã Tham Đôn	Dài 1.137,6 m, rộng 3,5 m và 01 cây cầu	2025	284/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	4.815	3.000			3.000			3.000	
IX	Huyện Thạnh Trị									31.600	-	-	31.600	
1	Nâng cấp, mở rộng lộ Tân Thắng - Tân Phước	Xã Thạnh Tân	Dài 4.464,84 m, rộng 3,5 m và 02 cây cầu	2025	339/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	12.214	11.659			11.659			11.659	
2	Nâng cấp, mở rộng lộ kênh Cái Trầu	Xã Thạnh Tân - Lâm Tân	Dài 2.675,32 m, rộng 3,5 m và 02 cây cầu	2024-2025	340/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	8.743	8.335			8.335			8.335	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
3	Đường Chùa Lộ Mới	Xã Lâm Tân	Dài 1.743,36 m, rộng 3 m và 01 cây cầu	2024	341/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	5.250	5.000			5.000			5.000	
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Nghĩa	Xã Lâm Tân	Diện tích xây dựng khối nhà: 71,1m ² , diện tích sân hè, đường vào: 81,3 m ²	2024	342/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	525	500			500			500	
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Tân Lộc	Xã Lâm Tân	Diện tích xây dựng khối nhà: 71,1 m ² , diện tích sân hè, đường vào: 84,8 m ²	2024	343/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	525	500			500			500	
6	Cầu chùa và Đường xóm Phở đầu nổi Huyện lộ 61	Xã Lâm Kiết	Dài 39 m, rộng 4,5 m và đường 261,7 m x 4,5 - 5 m	2024	344/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	5.906	5.606			5.606			5.606	
X	Huyện Long Phú									35.600	-	-	35.600	
1	Cầu Liên xã - Đường huyện 27, huyện Long Phú	Thị trấn Long Phú - xã Long Đức	Cầu bê tông dài 30 m, rộng 4 m	2024-2025	08/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	5.242	4.200			4.132			4.132	
2	Trường Tiểu học Long Đức B, ấp Lợi Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú	Xã Long Đức	Xây mới Khối hành chính quản trị, khối phòng bộ môn và hỗ trợ học tập, khối phụ trợ với tổng diện tích sân 1.676,3 m ² và các hạng mục phụ	2024-2025	07/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	13.779	11.600			11.600			11.600	
3	Nâng cấp, cải tạo Nhà Văn hóa xã Long Đức, huyện Long Phú	Xã Long Đức	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa diện tích 459,8 m ²	2025	330/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	335	295			295			295	
4	Lộ Tân Lập - Phú Đức (đoạn từ nhà ông Phước đến nhà ông Tân), xã Long Phú, huyện Long Phú	Xã Long Phú	Dài 2.595 m, rộng 3 m và cầu dài 18 m, rộng 3,6 m	2024-2025	02/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	7.863	7.000			6.844			6.844	
5	Trường Tiểu học Tân Hưng C, ấp Tân Qui B, xã Tân Hưng, huyện Long Phú	Xã Tân Hưng	Xây dựng mới Khối phòng bộ môn và hỗ trợ học tập tổng diện tích sân 674,24 m ² và các hạng mục phụ	2024-2025	03/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	7.881	7.000			7.000			7.000	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		
6	Trường Mẫu giáo Hậu Thạnh, ấp Bờ Kinh, xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú	Xã Hậu Thạnh	Xây mới Khối phòng đa năng và kho 150 m ² ; cải tạo khối nhà chính 1.885,2 m ² ; xây mới khu vận động trẻ em 117,5 m ² ;...	2024-2025	04/QĐ-UBND 29/01/2024	2.531	2.200			2.185			2.185	
7	Nâng cấp, cải tạo Nhà Văn hóa ấp Bờ Kinh, xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú	Xã Hậu Thạnh	Nâng cấp, cải tạo khối nhà 130 m ² và các hạng mục phụ nhà vệ sinh, hàng rào,...	2024-2025	05/QĐ-UBND 29/01/2024	611	530			530			530	
8	Lộ cặp Kênh số 4 (đoạn từ Quốc lộ 60 đến đất ông Nao), xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú	Xã Hậu Thạnh	Dài 1.140 m, rộng 3 m; 04 cống tròn 1 m x 6 m	2024-2025	06/QĐ-UBND 29/01/2024	3.443	3.070			3.014			3.014	